

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 10.58.2
	Giờ.....Ngày 3 tháng 4 năm 12

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

(WASECO)

Năm 2011

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: 38 205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	11 – 25



Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Vốn điều lệ của Công ty là : 132.000.000.000 đ (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trần Văn Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tất Thắng	Phó chủ tịch
Ông Đặng Văn Tiêu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Bôn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Văn Thành	Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Văn Tiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Châu Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Xuân Lãng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Bôn	Kế toán trưởng

2011
CÔNG TY
ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG
CẤP THOÁT
NƯỚC
MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM
50

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Phạm Ngọc Tú	Trưởng ban kiểm soát
Ông Huỳnh Bá Đức	Thành viên
Ông Phạm Phước Thịnh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính ;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 17 tháng 02 năm 2012

T.M. Ban Giám đốc
Tổng Giám Đốc



Trần Văn Thành

Số: ~~AAA~~./BCKT/TC

Báo cáo kiểm toán

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước

Kính gửi:

- Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước
- Ban Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước được lập ngày 16 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Kiểm toán viên



Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN(100=110+120+130+140+150)	100		312.303.509.511	261.172.353.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	31.104.893.622	19.957.354.438
1. Tiền	111		15.604.893.622	19.957.354.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.500.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	190.118.329.304	160.444.744.233
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	121.195.505.300	89.622.035.905
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	67.536.610.963	66.843.980.753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	2.600.305.472	3.978.727.575
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	2.4	(1.214.092.431)	
IV. Hàng tồn kho	140	3	64.292.626.294	54.076.123.615
1. Hàng tồn kho	141		64.292.626.294	54.076.123.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	26.787.660.291	26.694.131.019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	1.862.591.931	3.993.885.442
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.2	24.925.068.360	22.700.245.577
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		476.453.447.292	478.335.643.460
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		424.739.828.484	432.622.024.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	109.358.769.619	117.458.446.203
- Nguyên giá	222		152.328.933.808	151.842.880.904
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.970.164.189)	(34.384.434.701)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	2.625.000.000	2.751.000.000
- Nguyên giá	228		3.150.000.000	3.150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(525.000.000)	(399.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	312.756.058.865	312.412.578.449
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	51.337.946.475	45.337.946.475
1. Đầu tư vào công ty con	251	8.1	40.850.000.000	40.850.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8.2	10.487.946.475	4.487.946.475
V. Tài sản dài hạn khác	260		375.672.333	375.672.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		375.672.333	375.672.333
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		788.756.956.803	739.507.996.765

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		601.112.579.938	578.813.657.321
I. Nợ ngắn hạn	310	9	262.630.910.630	210.955.154.565
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9.1	117.699.915.964	79.527.441.087
2. Phải trả người bán	312	9.2	40.067.225.009	33.433.018.834
3. Người mua trả tiền trước	313	9.3	19.668.397.374	24.994.240.454
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9.4	13.943.943.111	11.327.404.514
5. Phải trả người lao động	315	9.5	886.347.087	1.319.764.745
6. Chi phí phải trả	316	9.6	37.904.099.260	37.028.406.832
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9.7	30.776.326.660	21.770.015.710
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	9.8	1.684.656.165	1.554.862.389
II. Nợ dài hạn	330	10	338.481.669.308	367.858.502.756
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	10.1	105.930.986.794	135.920.102.680
3. Phải trả dài hạn khác	333	10.2	126.508.465.300	127.042.840.300
4. Vay và nợ dài hạn	334	10.3	105.782.901.250	104.572.084.812
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	10.4	259.315.964	323.474.964
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		187.644.376.866	160.694.339.444
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	187.630.468.618	160.680.431.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	9.639.328.147
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			301.882.888
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(30.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.025.385)	351.978.953
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.485.749.766	2.183.866.878
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.952.241.094	1.834.173.094
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		40.561.204.996	26.369.201.236
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	12	13.908.248	13.908.248
1. Nguồn kinh phí	432		13.908.248	13.908.248
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		788.756.956.803	739.507.996.765

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1,654.00	2,007.32
- EUR		836.70	1,078.05
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Đức Bôn

Trần Văn Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	386.306.404.137	371.263.955.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	140.250.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	386.166.154.137	371.263.955.030
4. Giá vốn hàng bán	11	16	289.932.452.369	309.813.018.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		96.233.701.768	61.450.936.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	3.170.321.278	2.099.703.572
7. Chi phí tài chính	22	18	29.104.223.771	13.076.050.778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.906.912.381	12.886.800.095
8. Chi phí bán hàng	24		1.319.239.112	1.585.991.939
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.016.491.168	18.850.341.217
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		47.964.068.995	30.038.256.392
11. Thu nhập khác	31		1.270.534.580	1.627.175.985
12. Chi phí khác	32		3.165.497.348	928.184.585
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.894.962.768)	698.991.400
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		46.069.106.227	30.737.247.792
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	11.783.672.341	8.375.880.251
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	22	34.285.433.886	22.361.367.541
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.672	1.863

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Quốc Tuấn


Nguyễn Đức Bôn


Trần Văn Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		362.525.782.964	301.296.012.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(150.365.632.476)	(149.361.440.804)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.838.559.559)	(35.345.312.540)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(26.115.110.991)	(10.017.991.531)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(17.084.946.820)	(5.173.077.012)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		148.268.000.579	51.148.835.537
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(305.264.201.280)	(127.027.024.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.874.667.583)	25.520.001.373
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.348.079.895)	(23.606.839.076)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.154.993.850)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.171.493.850	(225.650.260)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	(1.521.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		362.794.726	99.610.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.968.785.169)	(25.253.879.276)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		308.922.734.204	120.312.315.206
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(269.551.146.449)	(96.280.387.699)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.382.796.225)	(6.624.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.988.791.530	17.406.977.507
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		11.145.338.778	17.673.099.604
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.957.354.438	2.284.254.834
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.200.406	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		31.104.893.622	19.957.354.438

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Bôn



Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Thành

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Năm 2011

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Trụ sở của Công ty tại: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

3. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

4. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

5. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

II Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Luật kế toán Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài Chính .

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

III Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

5.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh

5.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

5.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

6.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

6.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

7.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Kế toán các hoạt động liên doanh:

8.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

8.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

12.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

12.2 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1-Tiền mặt	273.995.509	354.546.127
- Văn phòng công ty	139.810.187	148.772.301
- Trung Tâm Kinh Doanh	12.912.610	15.942.929
- Trung Tâm Tư Vấn	51.544.671	119.550.640
- Chi Nhánh Daklak	16.597.751	46.017.251
- Chi Nhánh 201	53.130.290	24.263.006
1.2-Tiền gửi ngân hàng	15.330.898.113	19.602.808.311
a- Văn phòng công ty	14.547.676.776	18.659.209.537
* TGNH (VND)	14.490.050.951	18.591.697.492
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - SGD II	2.924.131	22.615.341
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.475.890.667	11.695.092.875
- Ngân hàng TM CP Quân Đội	31.696.018	94.553.679
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	37.341.942	126.699.628
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN TP. Hồ Chí Minh	7.944.624	7.753.827
- Ngân hàng NN và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	22.117.756	131.054.356
- Ngân hàng Công Thương CN I	8.892.952.425	6.220.816.378
- Ngân hàng An Bình	14.509.230	293.111.408
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Đông Sài Gòn	4.674.158	
* TGNH (Ngoại tệ)	57.625.825	67.512.045
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 836.7 EUR)	23.176.314	29.509.463
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 626.24 USD)	13.043.327	18.593.874
- Ngân hàng TM CP Quân Đội (# 1,027.76 USD)	21.406.184	19.408.708
b- Trung tâm kinh doanh	359.809.060	304.448.669
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	359.809.060	304.448.669
c- Chi Nhánh Daklak	219.351.028	634.812.196
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	219.351.028	634.812.196
d- Chi Nhánh 201	202.918.165	3.633.067
- Ngân hàng Công Thương	1.621.699	1.570.694
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	201.296.466	2.062.373
e- Trung Tâm Tư Vấn Thiết Kế	1.143.084	704.842
- Ngân hàng Maritime Bank	1.143.084	
- Ngân hàng Sacombank		704.842
1.3- Các khoản tương đương tiền	15.500.000.000	
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở GD II	14.000.000.000	
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở GD II	1.500.000.000	
Cộng	31.104.893.622	19.957.354.438

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

- 2.1- Phải thu khách hàng
- 2.2- Trả trước người bán
- 2.3- Các khoản phải thu khác
- 2.4- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
121.195.505.300	89.622.035.905
67.536.610.963	66.843.980.753
2.600.305.472	3.978.727.575
(1.214.092.431)	
190.118.329.304	160.444.744.233

3. HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí SX KD dở dang
- Thành phẩm
- Hàng hóa
- Hàng gửi bán

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
332.413.154	562.245.549
28.556.244	31.472.832
63.620.390.338	51.430.448.576
45.768.770	154.496.144
259.773.148	850.455.929
5.724.640	1.047.004.585
64.292.626.294	54.076.123.615

4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

- 4.1-Chi phí trả trước ngắn hạn
- 4.2-Tài sản ngắn hạn khác
 - Tạm ứng
 - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.862.591.931	3.993.885.442
24.925.068.360	22.700.245.577
24.679.320.463	21.302.478.870
245.747.897	1.397.766.707
26.787.660.291	26.694.131.019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

5. TĂNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	119.660.328.276	7.311.628.971	8.224.488.100	16.646.435.557		151.842.880.904
2 Số tăng trong năm	723.092.445			13.000.000		736.092.445
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm				13.000.000		13.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	723.092.445					723.092.445
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	21.120.000	112.727.273		116.192.268		250.039.541
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	21.120.000	112.727.273		116.192.268		137.312.268
- Giảm khác						112.727.273
4 Số dư cuối năm	120.362.300.721	7.198.901.698	8.224.488.100	16.543.243.289		152.328.933.808
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	20.008.897.159	3.675.856.157	3.359.001.217	7.340.680.168		34.384.434.701
2 Tăng trong năm	5.352.823.868	371.967.401	1.006.341.950	2.005.983.322		8.737.116.541
- Khấu hao trong năm	5.352.823.868	371.967.401	1.006.341.950	2.005.983.322		8.737.116.541
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	21.120.000	22.954.537		107.312.516		151.387.053
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	21.120.000	22.954.537		107.312.516		128.432.516
- Giảm khác						22.954.537
4 Số dư cuối năm	25.340.601.027	4.024.869.021	4.365.343.167	9.239.350.974		42.970.164.189
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	99.651.431.117	3.635.772.814	4.865.486.883	9.305.755.389		117.458.446.203
2 Tại ngày cuối năm	95.021.699.694	3.174.032.677	3.859.144.933	7.303.892.315		109.358.769.619



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	Trị giá thương hiệu	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm				3.150.000.000	3.150.000.000
2 Số tăng trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm				3.150.000.000	3.150.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm				399.000.000	399.000.000
2 Tăng trong năm				126.000.000	126.000.000
- Khấu hao trong năm				126.000.000	126.000.000
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm				525.000.000	525.000.000
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm				2.751.000.000	2.751.000.000
2 Tại ngày cuối năm				2.625.000.000	2.625.000.000

7. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chung cư cao tầng số 10 Phố Quang, trong đó:	304.527.745.314	296.042.219.989
+ Quyền sử dụng đất	179.164.703.558	179.164.703.558
+ Quyền phát triển dự án	31.016.000.000	31.016.000.000
+ Chi phí xây dựng	100.753.625.399	85.861.516.431
- Chung cư 93 Lê Lợi - Vũng Tàu		13.346.132.950
- Dự án khu phức hợp Q9 - HCM	1.405.384.999	2.258.668.800
- Trung tâm trưng bày vật tư và VP làm việc	209.090.909	209.090.909
- Dự án mở rộng mạng lưới cấp nước NMN Đakmil (GĐ 2)		556.465.801
- Dự án xưởng bê tông Daklak	207.254.000	
Cộng	312.756.058.865	312.412.578.449

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1-Đầu tư vào công ty con

- Đầu tư 95% vốn điều lệ của công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi (950.000 CP)

8.2-Đầu tư dài hạn khác

- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 15 (Viwaseen 15)
 - Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 12 (Viwaseen 12)
 - Công ty Điện Nước An Giang
 - Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước
 - Công ty CP kinh doanh nước sạch Sài Gòn

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

40.850.000.000

40.850.000.000

40.850.000.000

40.850.000.000

10.487.946.475

4.487.946.475

1.220.303.364

1.220.303.364

1.400.000.000

1.400.000.000

1.521.000.000

1.521.000.000

346.643.111

346.643.111

6.000.000.000

51.337.946.475

45.337.946.475

9. NỢ NGẮN HẠN

9.1 - Vay và nợ ngắn hạn

- Vay cán bộ công nhân viên
 - Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
 - Ngân hàng Công Thương - CN 1
 - Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 1
 - Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (# 53,198.00 USD)

9.2 - Phải trả người bán

9.3 - Người mua trả tiền trước

9.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế GTGT hàng bán phải nộp
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế nhà đất và tiền thuê đất
 - Thuế TNCN
 - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9.5- Phải trả người lao động

9.6- Chi phí phải trả (trích trước chi phí công trình)

9.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn
 - Bảo hiểm xã hội
 - Bảo hiểm y tế
 - Bảo hiểm thất nghiệp
 - Các khoản phải trả, phải nộp khác

9.8- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

117.699.915.964

79.527.441.087

1.303.471.050

1.967.974.436

85.538.742.912

59.881.404.432

29.749.694.058

14.469.315.403

1.108.007.944

3.208.746.816

40.067.225.009

33.433.018.834

19.668.397.374

24.994.240.454

13.943.943.111

11.327.404.514

8.211.101.204

1.550.794.492

3.493.825.029

8.795.099.507

838.008.902

427.282.652

1.401.007.976

512.503.863

41.724.000

886.347.087

1.319.764.745

37.904.099.260

37.028.406.832

30.776.326.660

21.770.015.710

265.810.120

386.577.766

28.675.993

190.062.011

33.377.809

83.794.465

30.236.660.064

21.321.384.141

1.684.656.165

1.554.862.389

262.630.910.630

210.955.154.565

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

10. NỢ DÀI HẠN	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
10.1- Phải trả dài hạn nội bộ (tổng công ty Viwaseen)	105.930.986.794	135.920.102.680
Trong đó:		
- Phần bảo toàn vốn Nhà nước		3.641.887.493
- Tiền đền bù xây dựng trụ sở công ty Waseco		925.175.440
- Tiền thu về cổ phần hóa		13.813.772.760
- Lãi vay tính trên số tiền đã thu cổ phần hóa		4.394.556.429
- Giá trị quyền sử dụng đất số 10 Phố Quang	105.930.986.794	113.144.710.558
10.2- Phải trả dài hạn khác	126.508.465.300	127.042.840.300
- Công ty Đông Dương (Indochina Group) góp vốn XD chung cư	105.718.118.900	105.718.118.900
- Công ty TNHH Kiến Trúc Thiết Kế Arcurata (tiền đặt cọc thuê văn phòng)	6.500.000.000	6.500.000.000
- Cục thuế Đồng Nai (tiền thuê đất Công ty Ông Thép SPC)	2.404.687.500	2.939.062.500
- Công ty XK Lao Động TM & Du lịch	1.900.000.000	1.900.000.000
- Ông Phạm Đức Tấn	5.475.000.000	5.475.000.000
- Công ty CP Phát triển Nhà Địa Lợi	4.400.000.000	4.400.000.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	110.658.900	110.658.900
10.3- Vay và nợ dài hạn	105.782.901.250	104.572.084.812
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- SGD II	31.628.041.917	43.248.041.917
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải- CN Quận 9	74.154.859.333	61.324.042.895
10.4- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	259.315.964	323.474.964
Cộng	338.481.669.308	367.858.502.756

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	1	2	3	4	5	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5		6	7	8
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	9.639.328.147		1.052.865.000	736.270.000			25.170.440.717	156.598.903.864
Tăng vốn trong năm trước									
Lãi trong năm trước									
Tăng khác			351.978.953	1.432.884.766	1.097.903.094		301.882.888	22.361.367.541	22.361.367.541
Giảm vốn trong năm trước									
Lỗ trong năm trước									
Giảm khác				301.882.888				815.454.860	4.000.104.561
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	9.639.328.147	351.978.953	2.183.866.878	1.834.173.094		301.882.888	26.369.201.236	160.680.431.196
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000								12.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay									
Lãi trong năm nay			15.045.339	301.882.888	1.118.068.000				
Tăng khác									
Giảm vốn trong năm nay									
Lỗ trong năm nay									
Giảm khác (*)						(30.000)			
Số dư cuối năm	132.000.000.000	9.639.328.147	(8.025.385)	2.485.749.766	2.952.241.094	(30.000)	301.882.888	40.561.204.996	187.630.468.618

Ghi chú: (*) Chi tiết các khoản giảm khác:

- Tăng quỹ dự phòng đầu tư tài chính
- Tăng quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Cổ tức năm 2010 phải trả cho Tổng Công ty
- Cổ tức năm 2010 phải trả cho các cổ đông
- Tăng vốn chủ sở hữu
- Giảm khác

Tổng cộng

1.118.068.000
971.662.126
3.600.000.000
2.400.000.000
12.000.000.000
3.700.000
20.093.430.126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	55%	72.000.000.000	72.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	45%	60.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	100%	132.000.000.000	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	12.000.000.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	132.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.200.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.200.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3	
+ Cổ phiếu phổ thông	3	
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.997	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.199.997	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/ cp		

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.485.749.766	2.183.866.878
- Quỹ dự phòng tài chính	2.952.241.094	1.834.173.094
Cộng	5.437.990.860	4.018.039.972

12. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	13.908.248	13.908.248
Cộng	13.908.248	13.908.248

13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	38.613.616.764	94.481.730.368
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.436.716.243	55.905.323.399
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	239.294.071.130	220.876.901.263
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	66.962.000.000	
Cộng	386.306.404.137	371.263.955.030

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán trả lại
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất khẩu

Cộng

Năm nay

Năm trước

140.250.000

140.250.000**15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu thuận trao đổi dịch vụ
- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- Doanh thu kinh doanh bất động sản

Cộng

Năm nay

Năm trước

38.473.366.764

94.481.730.368

41.436.716.243

55.905.323.399

239.294.071.130

220.876.901.263

66.962.000.000

386.166.154.137**371.263.955.030****16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của XD
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn kinh doanh bất động sản

Cộng

Năm nay

Năm trước

35.799.629.932

90.641.374.419

214.722.730.755

197.724.281.846

18.999.445.993

21.447.362.013

20.410.645.689

289.932.452.369**309.813.018.276****17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

Năm nay

Năm trước

2.945.920.014

1.916.436.180

224.401.264

183.267.392

3.170.321.278**2.099.703.572****18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Năm nay

Năm trước

28.906.912.381

12.886.800.095

197.311.390

189.250.683

29.104.223.771**13.076.050.778****19. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

11.783.672.341

7.893.621.367

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay

482.258.884

- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

11.783.672.341

8.375.880.251

Cộng**11.783.672.341****8.375.880.251****20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí chung
- Chi phí máy thi công
- Chi phí khấu hao TSCĐ

Năm nay

Năm trước

93.910.491.430

93.444.439.587

19.608.278.270

14.601.397.589

90.683.286.970

13.950.832.379

9.321.681.044

5.768.806.961

8.737.116.541

5.678.244.673

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.180.616.620	13.688.602.054
- Chi phí bằng tiền khác	61.779.433.718	100.818.300.742
Cộng	349.220.904.593	247.950.623.985
21. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Năm nay	Năm trước
	1.091.240.561	625.054.584
Cộng	1.091.240.561	625.054.584
22. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ		
Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
* Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.069.106.227	30.737.247.792
* Các khoản điều chỉnh	1.065.583.135	837.237.675
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.081.893.635	837.237.675
+ Các khoản điều chỉnh giảm	16.310.500	
* Tổng thu nhập chịu thuế	47.134.689.362	31.574.485.467
* Thuế TNDN phải nộp	11.783.672.341	7.893.621.367
* Thuế TNDN truy thu		482.258.884
* Tổng thuế TNDN phải nộp		8.375.880.251
* Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.285.433.886	22.361.367.541

23. THÔNG TIN BỔ SUNG

23.1- Giao dịch với các bên có liên quan

Trong năm 2011, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	Cung cấp hợp đồng xây dựng	1.108.620.079
		Thuê văn phòng	137.694.971
		Lãi vay	1.265.503.650
		Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	30.051.360
		Thu nhập khác	2.189.250

23.2- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Bôn

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Thành